

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

Số: **404/2020/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

MCN, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 447/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Võ Long Q**, sinh năm 1986;

HKTT: thôn PĐ, xã HT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Chị **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1992;

HKTT: ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Long Q và bà Nguyễn Thị Thu N thành hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã HT, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau về vấn đề tiền bạc. Đến tháng 4/2020, anh Q và chị N đã ly thân, chị N và con chung về nhà cha mẹ tại ấp T, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre sinh sống. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Q và chị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của anh Q và chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Anh Q và chị N có với nhau 01 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày XYZ. Hiện nay con chung đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, các bên thỏa thuận chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận này của anh Q và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Anh Q và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Q và chị N khai không có.

[5] Lệ phí Tòa án: Anh Q và chị N thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các thỏa thuận trên của anh Q và chị N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Long Q và chị Nguyễn Thị Thu N thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh Võ Long Q và chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thanh T, sinh ngày XYZ. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện tạm thời của chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu anh Võ Long Q cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Võ Long Q và chị Nguyễn Thị Thu N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh Võ Long Q và chị Nguyễn Thị Thu N khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Võ Long Q và chị Nguyễn Thị Thu N tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: ABC ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã HĐ, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như